

Bản án số: **419/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-4-2018

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 310/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1254/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số X đường N, Phường T, thành phố H, tỉnh Phú Yên; địa chỉ tạm trú: Số X1 đường T1, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1981; Quốc tịch: Naury; địa chỉ: Naury.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2015, quyền số 01/2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 18 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn ông Nguyễn T trở về Naury, thực tế hai người không chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian từ

sau khi kết hôn đến nay, giữa bà và ông Nguyen T phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có ý định đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen T.

Về con chung: Bà và ông Nguyen T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu về việc xét xử vắng mặt đề ngày 12 tháng 3 năm 2018, đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Na Uy chứng nhận chữ ký, ông Nguyen T trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2015, quyển số 01/2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 18 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn ông trở về Na Uy và chuẩn bị thủ tục bảo lãnh cho bà T, nhưng trong thời gian này giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống giữa hai bên hoàn toàn trái ngược nhau. Đến nay, ông đã không còn tình cảm với bà T, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời tại văn bản nêu trên, bị đơn ông Nguyen T yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ kiện ly hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị Bích T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyen T thì cuộc sống hôn nhân của hai người không hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống, mỗi người sinh sống ở một nơi và không ai có nguyện vọng hòa giải, đoàn tụ gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn T, quốc tịch Na-uy, hiện đang định cư tại Vương quốc Na-uy; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu của bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2015, quyền số 01/2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 18 tháng 11 năm 2015, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T với ông Nguyễn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn, hai người không thực tế chung sống với nhau do ông Nguyễn T trở về Na-uy sinh sống, làm việc; trong thời gian xa cách, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng về quan điểm sống. Thời gian sống ly thân kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông Nguyễn T đồng ý.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn T đã tồn tại trong một thời gian dài mà không thể giải quyết, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng; hai người đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn mong muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình và cùng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn T cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp: Do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thu chi phí nên hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp mà đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, điểm a Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2015, quyển số 01/2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 18 tháng 11 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn T cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2017/0047047 ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T 3.000.000 (Ba triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0047173 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn ông Nguyễn T cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn